

TÌM LẠI NHỮNG NGÔN LUẬN VỀ NỮ QUYỀN TẠI HUẾ NHỮNG NĂM 1927-1929

Từ mục “Phụ nữ diễn đàn” của báo “Tiếng dân”
đến sách “Phụ nữ vận động” của Quan hải tùng thư
và “Vấn đề phụ nữ” của Phan Bội Châu

LẠI NGUYỄN ÂN, NGUYỄN KIM HIỀN

Tham luận gửi tới Hội thảo “Văn học và giới” Đại học Sư phạm Huế và tạp chí “Nghiên cứu văn học” của Viện Văn học đồng tổ chức, dự kiến trong tháng 10.2019

Mở đầu

Tham luận này ký tên hai người, là vì người viết những dòng này – Lại Nguyễn Ân – dù sao cũng chỉ là người chấp bút thuật lại, còn quá trình tìm kiếm tài liệu thì lại chủ yếu thuộc người đang ở xa – bạn Nguyễn Kim Hiền đang sống và làm việc ở Paris.

Tôi có theo dõi ít nhiều về cái mà chúng ta hiện gọi là “vấn đề phụ nữ”: nó đã xuất hiện ra sao, từ khi nào trong dư luận xã hội người Việt thời hiện đại, tức là từ đầu thế kỷ XX?

Ta đã biết đến, ví dụ, cuộc thảo luận trên tạp chí *Nam phong* những năm 1917-1920 liên quan đến nền “nữ học” khi đó đã hiện diện trong nước, do chính quyền thực dân đưa vào đây những nội dung và quy chuẩn giáo dục của nước Pháp. (Phạm Quỳnh viết bài nêu vấn đề “có nên cho đàn bà con gái theo cái học mới không”; nhiều ý kiến khác nhau, trong đó Nguyễn Bá Học bày tỏ nỗi lo ngại sự phổ cập nữ học mới ấy sẽ làm mất cái nền nếp phong hóa nam tôn nữ ty đã định hình bởi nền học cũ; Đạm Phương tranh luận lại, bênh vực lợi ích của nữ học, tân học).

Đạm Phương chính là cây bút tại Huế lên tiếng sớm nhất về “vấn đề phụ nữ”, từ các bài trên *Nam phong* (1920-1921) sau đó là các bài trong mục “Văn đàn bà” của tạp chí *Hữu thanh* (1922) và mục “Nhời đàn bà” của báo *Trung Bắc tân văn* (1922, 1923, 1924, 1925), trong đó tác giả chủ yếu luận bàn các phương diện của “nữ học”, “nữ công”, “nữ hạnh”,⁽¹⁾ chưa trực tiếp nói đến “nữ quyền”.

⁽¹⁾ Xem: *Tuyển tập Đạm Phương nữ sử*, sưu tầm, biên soạn: Lê Thanh Hiền, bổ sung, sửa chữa: Nguyễn Khoa Điềm, Nxb. Văn học, H., 2010.

Ta cũng biết đến sự ra đời rồi bị cấm của cuốn sách “Nam nữ bình quyền” của Hoàng Sơn Đặng Văn Bảy (viết 1925-27, xuất bản 1928 tại Sài Gòn, bị cấm sau khi xuất bản ít lâu).⁽²⁾

Ta cũng biết đến tuần báo “Phụ nữ tân văn” (Sài Gòn, 1929-1935) với loạt bài tham khảo ý kiến nhân sĩ và các giới về vấn đề phụ nữ, với những bài bình luận của Phan Khôi tố cáo những bất công đối với giới nữ của xã hội Nho giáo truyền thống, hồi những năm 1929-30, được dư luận trong nước chú ý.⁽³⁾

Nhưng dù sao, số lượng dữ kiện ta hiện còn biết cũng là khá ít, và lại mới thấy những ngôn luận lên tiếng từ Hà Nội hay Sài Gòn. Cho nên vẫn cần tìm thêm những dữ liệu, sự kiện khác.

Từ những năm cuối thế kỷ trước tôi đã bắt tay tìm lại di sản trí thuật của tác gia Phan Khôi (1887-1959); số lượng tài liệu thu lượm được khá lớn, cho nên có hiện tượng này: ở cạnh tài liệu cần tìm và đã chụp được lại có những tài liệu khác, thật ra cũng rất lý thú.

Một ngày nào đó, tôi nhớ là vào năm 2017, khi xem lại các tài liệu cũ, tôi chợt thấy trên một bản tôi chụp ảnh bài của Phan Khôi trên tờ *Đông Pháp thời báo* lại có một phần bài của bà Vương Khả Lãm, tức Huỳnh Thị Bảo Hòa, đáp lại một nữ độc giả về ý kiến mà bà Bảo Hòa nêu trên tờ *Tiếng dân* về sự cần kíp phải có tờ nữ báo, – tờ báo chuyên về các vấn đề phụ nữ! Tôi xem kỹ, thấy đây là sự việc đáng chú ý, cần tìm hiểu thêm, bèn đi tìm tờ *Tiếng dân*. Đến các thư viện thì biết Thư viện Quốc gia (31 Tràng Thi, Hà Nội) có một ít sưu tập *Tiếng dân*, nhưng không có các năm đầu (1927-30). Tôi bèn gửi phần bài kể trên đã đánh máy cho bạn Kim Hiền ở Paris, lưu ý bạn có dịp đi Thư viện quốc gia Pháp thì tìm giúp. Ít lâu sau, bạn Hiền hồi âm cho tôi, bạn đã sơ bộ đọc lại một số kỳ “Tiếng dân” thời đầu (có bản microfilm hiện lưu ở Thư viện Quốc gia Pháp) và thấy hầu như trên khá nhiều kỳ báo thời đầu đều có mục “Phụ nữ diễn đàn”, có một số nữ độc giả lên tiếng!

Tôi đã sơ bộ thông tin ngay điều này trên Facebook.

Khi được tin có hội thảo này (hội thảo về giới và , tôi liên lạc lại với bạn Kim Hiền, đề nghị bạn đi thư viện xem lại và tìm thêm các tài liệu và cùng nhau thảo ra tham luận này.

(2) Đặng Văn Bảy (1927): *Nam nữ bình quyền*, bản tái bản, Võ Văn Nhơn hiệu đính; kèm theo các bài nghiên cứu của nhiều tác giả. H.: Nxb. Hồng Đức, 2014.

(3) Xem: Phan Khôi, *Tác phẩm đăng báo 1929* /Lại Nguyên Ân sưu tầm biên soạn/, Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2003; Phan Khôi, *Tác phẩm đăng báo 1930* /Lại Nguyên Ân sưu tầm biên soạn/, H.: Nxb. Hội nhà văn, 2005.

Mục “Phụ nữ diễn đàn” trên báo “Tiếng dân” thời đầu, 1927-28

Theo sự tìm đọc của bạn Kim Hiền thì rất nhiều số “Tiếng dân” thời đầu có mục “Phụ nữ diễn đàn” (PNĐĐ):

- S. 3 (17.8.1927): PNĐĐ: Huỳnh Thị Bảo Hòa: *Chị em ta nên có tờ phụ nữ tạp chí;*
S. 9 (1927): PNĐĐ: cô Hường Tâm, (Quảng Nam): [ý: chị em chưa cần tờ nữ báo]
S. 11 (1927): PNĐĐ: Nguyễn Thị Ngọc Trác (Nghệ An): *Chị em chốn thông quê nên đọc báo và xem sách*
S. 12 (1927): PNĐĐ: *Thư gửi chị Thụy Thảo, nữ công [học hội] ở Huế;*
S. 13 (1927): PNĐĐ: Hoàng Thị Thu Nguyệt (Lam Hồng nữ sĩ): *Tinh Hà Tinh có nên đặt bố chánh không?*
S. 14 (1927): PNĐĐ: *Lời bố cáo cho đàn bà cắt tóc* (dịch báo Tàu)
S. 15 (1927): PNĐĐ: Huỳnh Thị Bảo Hòa trả lời cô Hường Tâm
S. 16 (1927): PNĐĐ: Thanh Hường (Huế): *Xem thơ chị Hường Tâm ngỏ cùng chị Bảo Hòa*
S. 17 (5.10.1927): PNĐĐ: Dã Lan nữ sĩ: *Vấn đề phụ nữ*
S. 18 (? . 10.1927): PNĐĐ: Tôn Nữ Hường Anh (gần An Cựu): *Đối với ý kiến của chị B.H.*
S. 19 (? . 10.1927): PNĐĐ: Tôn Nữ Hường Anh (gần An Cựu): *Đối với ý kiến của chị B.H., (tiếp)*
S. 20 (15.10.1927): PNĐĐ: Dã Lan nữ sĩ: *Lại ý kiến đối với vấn đề phụ nữ, Nhân đọc chị Hường Anh*
S. 21 (19.10.1927): PNĐĐ: Dã Lan nữ sĩ: *Lại ý kiến đối với vấn đề phụ nữ, Nhân đọc chị Hường Anh (tiếp)*
S. 22 (? . 10.1927): PNĐĐ: Việt Giã nữ: *Lòng yêu nước*
S. 23 (? . 10.1927): PNĐĐ: Đạm Phương: *Cảm tưởng về làm nhà hội nữ công*
S. 24 (29.10.1927): PNĐĐ: Mộng Hoa: *Đạo đức*

Xem lại các bài trong mục “Phụ nữ diễn đàn” trên *Tiếng dân* trong năm sau (1928), bạn Kim Hiền nhận xét: Dã Lan nữ sĩ như là tác giả chính của *Tiếng dân* trên vấn đề phụ nữ. Tác giả này có cả loạt bài:

- S. 62 (17.3.1928): *Vấn đề phụ nữ, I: Vấn đề phụ nữ thích đáng bởi những lẽ gì?*
S. 63 (21.3.1928): *Vấn đề phụ nữ, II: Những sự chướng ngại của vấn đề phụ nữ.*
S. 64 (24.3.1928): *Vấn đề phụ nữ, III: Mục đích giải phóng*
S. 65 (28.3.1928): *Vấn đề phụ nữ, VI: Mục đích giải phóng (tiếp theo)*

- S. 87 (14.6.1928): *Cái thảm họa của chị em ta*
 S. 90 (23.6.1928): *Cái thảm họa của chị em ta* (tiếp theo, hết)
 S. 141 (26.12.1928) *Một cái mâu thuẫn của hạng nam tử đối với phụ nữ*
 S. 142 (29.12.1928) *Một cái mâu thuẫn của hạng nam tử đối với phụ nữ* (tiếp, hết)

Bạn Kim Hiền cũng cho biết, từ cuối 1927 sang năm 1928 mục "Phụ nữ diễn đàn" trên *Tiếng dân* vẫn có nhiều bài của các tác giả nữ khác. Chẳng hạn:

- S. 35 (7.12.1927): Hoàng Khuê Bích: *Phụ nữ vận động*
 S. 43 (4.1.1928): có bài *Về việc lập Nữ quốc dân giáo dục hội*
 S. 55 (22.2.1928): Hoàng Thị Lan, Trà Vinh: *Đòi nữ quyền thế nào là chính đáng?*
 S. 60 (10.3.1928) và 61 (14.3.1928): Đạm Phương nữ sử: *Mấy lời trung cáo với toàn thể anh chị em có nhiệt tâm đối với Nữ công học hội*
 S. 74 (28.4.1928): Anh Hoa Hồ Thị Minh Ngọc: *Nước ta nên mau có Phụ nữ tạp chí, chưa cần xướng nam nữ bình quyền*
 S. 151 (? . 1928): Như Mân: *Vì sao nên lập phụ nữ tạp chí*

Đề xuất của Huỳnh Thị Bảo Hòa

Về nữ tác giả Huỳnh Thị Bảo Hòa (1896-1982), tôi đã phát hiện và thông tin từ năm 2000.⁽¹⁾ Sau đó tôi đã cung cấp cho soạn giả Trương Duy Hy ở Đà Nẵng bản photocopy tiểu thuyết "Tây phương mỹ nhơn" của nữ tác giả này (nhà in Bảo Tôn, 36 bis Boulevard Bonnard, Saigon, 1927) để ông Hy đưa vào sưu tập tác phẩm của nữ tác gia này.⁽²⁾

Bài giới thiệu về sách "Tây phương mỹ nhơn" trên *Đông Pháp thời báo* của Diệp Văn Kỳ⁽³⁾ cho biết: nữ tác giả này viết xong cuốn này từ 1926, được các nhà báo nhà văn đàn anh như Huỳnh Thúc Kháng, Bùi Thế Mỹ, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đề tựa rồi mới đưa in. Nhắc lại sự việc này để thấy, việc nữ tác giả sớm xuất hiện trên tờ báo của Huỳnh Thúc Kháng là điều dễ hiểu.

(1) Lại Nguyên Ân: *Một cuốn truyện bị lãng quên suốt 70 năm qua // Phụ nữ Tp.HCM. Chủ nhật*, s. 1 (7.1.2001); *Tạp chí Văn học*, H., s. 6 (tháng 6. 2001)

(2) Sách *Nữ sĩ Huỳnh Thị Bảo Hòa, người phụ nữ Việt Nam viết tiểu thuyết đầu tiên*, Trương Duy Hy biên khảo, Nxb. Văn học, H., 2003; soạn giả bổ sung thành sách *Nữ sĩ Huỳnh Thị Bảo Hòa, người phụ nữ Việt Nam đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ và xuất bản. Tiểu thuyết, Kịch hát bội, Biên khảo lịch sử, Ký sự*, Thy Hào Trương Duy Hy sưu tầm giới thiệu, Đà Nẵng, Nxb. Đà Nẵng, 2010, 360 tr. 20,5 cm.

(3) Diệp Văn Kỳ: Bình phẩm sách mới. Phụ trương Văn chương // *Đông Pháp thời báo*, Sài Gòn, s. 365 (14.10.1927), tr.7.

Gần như là người viết mở đầu mục “Phụ nữ diễn đàn” của báo *Tiếng dân*, Huỳnh Thị Bảo Hòa nêu vấn đề phải sớm có “tờ nữ báo” – tờ báo chuyên về các vấn đề gắn với người phụ nữ.

“Nước ta lập quốc hơn bốn ngàn năm, đã nhiều năm xưng hùng xưng bá, cũng lắm lúc xưng đế xưng vương, văn trị võ công hầy còn lừng lẫy, trung trinh tiết liệt chói lọi trời Nam. Nhưng đối với địa vị phụ nữ thì hầy còn chuyên chế nhiều bề; nguyên nhân sự chuyên chế là do bắt chước Tàu [....]

Từ khi ngọn đuốc văn minh soi khắp, tiếng chuông cảnh tỉnh kêu vang, trong nữ giới ta mới có nhiều người theo đòi tân học, nên mới có kẻ đồ đạt nọ kia, nhưng kể thật ra thì cách giáo dục cũng chưa được hoàn toàn, về đức dục thể dục cũng chưa được phổ thông, tư cách phụ nữ còn vụn phần khiếm khuyết, thậm chí đến một tờ báo cho phụ nữ mà cũng chưa có.

Xét ra ở các nước văn minh tiên tiến, suốt trong nước họ từ đàn ông đàn bà không có mấy người là ngu dốt vô học, cả đến quyền chính trị không những là bọn tu mi nam tử cầm quyền, mà khách thoa quần nhi nữ cũng đua tài ganh trí. Các nước mà sở dĩ được như thế, là nhờ có học thức, tư tưởng, sách vở, báo chí phổ thông, cho nên rộng đường học vấn [.....]

Hiện nay ở nước ta các báo văn và tạp chí về bên nam giới cũng tiêm tiêm gọi là có, duy bên nữ giới là chưa có một tờ báo nào để cho người đàn bà đọc, tưởng các nhà ưu thời mẫn thế cũng sẵn lòng lo thay, mà chị em trong ba kỳ cũng hết lòng ao ước, vì báo chí là một cơ quan truyền bá văn minh, tư tưởng, học thuật. Ngồi một chỗ cũng có thể biết được năm châu, cầm một tờ giấy cũng am tường mọi việc trong hoàn hải. Suy thế ta lại chẳng nên đồng tâm hiệp lực mà tổ chức lấy một tờ phụ nữ tạp chí để mở mang về đường tri thức, và khuyến khích về đức dục, thể dục, vệ sinh, luân lý, nữ hạnh, nữ công và liên lạc cái tình đoàn thể của các chị em trong nước lại mà gầy dựng cho nữ lưu được nhiều điều tấn ích sau này hay sao?

Muốn đạt được mục đích là xuất bản một tờ tạp chí thì phải có đủ hai điều. Một là về phương diện văn chương, hai là về phương diện tài chính, nếu thiếu một điều nào thì không thể thực hành được. Như ý mọn của tôi thiết tưởng, các nhà tư bản trong nước có lòng tán thành vào mà chị em trong nữ giới lại đồng tâm hiệp lực thì lo gì mà không thành công được; về đường tài chính nhờ có các nhà tư bản có nhiệt tâm đứng lên tài trợ, còn văn bài thì nhờ các chị em trong bọn làng văn giúp cho, dầu còn khuyết điểm trong buổi ban đầu, nhưng sau này rồi mới hoàn toàn được. Và lại ngày nay chị em ta cũng đã có nhiều người học thức giỏi giang, có thể viết báo dịch sách được, tưởng không đến nỗi thất bại như báo “Đền nhà Nam” ngày trước đâu! Sách có chữ “Thế thượng vô nan sự, nhân tâm tại bất kiên” (ở đời không có việc gì là khó, chỉ tại người ta không kiên tâm làm mà thôi). Huống chi làm văn là một thứ rất thanh nhã cao thượng, có thể đem

ra cứu nước giúp đời bằng một cách nhẹ nhàng êm thấm, mà lại rất thích hợp với tính tình tư cách nữ lưu. Bà Stael xưa có nói rằng: “Lấy kiếm mà địch với muôn người, ấy là việc của kẻ trượng phu, lấy bút lưỡi mà địch nổi vạn người, ấy là thủ đoạn của người đàn bà con gái”. Mong rằng chị em ta lấy lời ấy làm gương mà ra gánh vác lấy trách nhiệm đối với chị em đồng bào, cố gây lên tư cách tự cường tự lập, để bảo thủ lợi quyền của nữ lưu. Khi đã đủ bốn phận rồi thì địa vị đàn bà tự tăng cao lên, mà bốn chữ “nam nữ bình quyền” kia ta không phải yêu cầu rồi xã hội phải công nhận vậy.”⁽⁴⁾

Trong số các ý kiến thảo luận được đăng tải, ta thấy có cả loại ý kiến tán thành, cả loại không hoặc chưa tán thành. Thậm chí trong các ý kiến ấy có cả những lập luận sai trái, ví dụ cho rằng, chính xã hội chuyên chế, gia đình chuyên chế mới làm nảy sinh những anh thư như bà Trưng bà Triệu (!), hoặc chỉ bộc lộ tâm lý bảo thủ, sợ rằng những tạp chí chuyên về phụ nữ sẽ phá vỡ nền nếp xã hội gia trưởng hiện hành!

Trong bài trả lời một trong những ý kiến như vậy, bà Huỳnh Thị Bảo Hòa đã vạch rõ những sai trái trong các ý kiến bàn lùi đó, tiếp tục khẳng định những lợi ích căn bản của tờ báo chuyên về giới phụ nữ trong công cuộc tranh đấu nâng cao nữ quyền ở xã hội mà truyền thống nam quyền còn đang rất nặng nề.

Đạm Phương nữ sử với *Nữ công học hội* và Trần Thị Như Mân với *Phụ nữ tùng san*

Người ta biết, bà Đạm Phương đã từng lên tiếng, hầu như liên tục từ những năm 1920-1925 hàng chục bài báo trên các tờ *Nam phong*, *Hữu thanh*, *Trung Bắc tân văn* ở Hà Nội, dám khẳng định lợi ích của nền học mới (Tây học, tức nhà trường Pháp-Việt) đối với phụ nữ, thì chắc chắn bà không phản đối đề xuất một “tờ nữ báo”.

Ngay khi Phan Bội Châu vừa đến Huế, nghỉ tại chùa Phổ Quang, bà Đạm Phương đã tới thăm và mời cụ Sào Nam tới dự khai trương Nữ công học hội, nhưng cụ không nhận lời vì muốn giữ tiếng cho hội.⁽¹⁾ Sau đó, cụ Sào Nam mới tới thăm và có bài diễn thuyết tại Nữ công học hội (vào ngày 27.6.1926).⁽²⁾ Sào Nam còn nhận lời soạn sách “Nữ quốc dân tu tri” làm tài liệu học tập cho hội Nữ công này.⁽³⁾ Còn Huỳnh Thúc Kháng, với tư cách Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, cũng đã đến thăm Nữ công học hội (13.9.1926) và có bài phát biểu về vấn đề phụ nữ; trong thời gian xúc tiến việc xuất bản

⁽⁴⁾ Huỳnh Thị Bảo Hòa: Phụ nữ diễn đàn: Chị em ta nên có phụ nữ tạp chí // *Tiếng dân*, Huế, s. 3 (17.8.1927)

⁽¹⁾ Theo Đào Duy Anh: *Nhớ nghĩ chiều hôm*, hồi ký, tái bản có sửa chữa, Nxb. Trẻ, Tp.HCM., 1989, tr. 13.

⁽²⁾ Theo: Nguyễn Khoa Điềm: “Những cột mốc trong cuộc đời Đạm Phương nữ sử, đối chiếu thời cuộc”; trong sách: *Tuyển tập Đạm Phương Nữ Sử*, Lê Thanh Hiền sưu tầm biên soạn, Nguyễn Khoa Điềm bổ sung, sửa chữa, Nxb. Văn học, H., 2010, tr. 620.

⁽³⁾ *Nữ quốc dân tu tri*, soạn giả Phan Bội Châu, Nữ công học hội ở Huế xuất bản và giữ bản quyền. In lần thứ nhất, tại nhà in Đặc Lập ở Huế, 1926.

báo *Tiếng dân*, Huỳnh Thúc Kháng đã lấy nhà ông bà Nguyễn Khoa Tùng, Đạm Phương ở Đập Đá, Vỹ Dạ làm địa chỉ liên lạc với nhà nước bảo hộ. ⁽⁴⁾

Những bài Đạm Phương viết cho *Tiếng dân*, cho mục “Phụ nữ diễn đàn” của báo thời gian này hoặc tiếp tục đề tài từng viết ở các báo ngoài Bắc, hoặc nói về Nữ công học hội do bà chủ trương đang được triển khai tại Huế (khánh thành ngày 15.6.1926).

Đến khi *Phụ nữ tùng san*, một ấn phẩm chuyên về phụ nữ xuất hiện tại Huế (từ tháng 5.1929), người ta thấy bà Đạm Phương có lời phi lộ cho tạp chí này:

“Nay Như Mân nữ sĩ là người hội viên trong Hội Nữ công Huế, có định xuất bản một thứ sách nhan đề là *Phụ nữ tùng san*, để cùng chị em giã gạo về môn giáo dục phụ nữ, để bàn bạc trao đổi ý kiến thì mới mong tới chỗ chân lý đặng. Và chị em đều là bạn có học thức, lại đã chịu sự giáo dục khai hóa của các trường, tất cái tư cách học vấn có phần siêu việt hơn kẻ tầm thường, cái nền đạo đức mới gây dựng sau này chính đáng cùng chẳng, đều nhờ sức của chị em hết thảy. Cho nên cái bài phi lộ của nữ sĩ có đưa cho Hội Nữ công một bản, vậy tôi xin vui lòng giới thiệu cùng chị em biết”. ⁽⁵⁾

Trần Thị Như Mân vốn là thư ký của Nữ công học hội do bà Đạm Phương sáng lập; đồng thời Trần Thị Như Mân cũng là một thành viên của Tân Việt cách mạng đảng đang hoạt động trong bí mật, bà được phân công công tác vận động phụ nữ. *Phụ nữ tùng san* là tạp chí được biên soạn và ấn hành tại Huế, nhưng chỉ ra được 2 số; sau khi Trần Thị Như Mân bị bắt (tháng 8.1929), ấn phẩm cũng ngừng hẳn. Đây được kể là một trong hai tờ báo của phụ nữ ra đời sớm nhất, cùng với *Phụ nữ tân văn* ở Sài Gòn.

Hồi ký của bà Trần Thị Như Mân cho biết một số thông tin về ấn phẩm ấy:

“Theo gợi ý của anh Đào Duy Anh, chúng tôi phải ra một tờ báo công khai để tuyên truyền cho cuộc giải phóng phụ nữ, đấu tranh cho nữ quyền. Chúng tôi bàn nhau lấy tên tờ báo là *Phụ nữ tùng san*, do tôi đứng ra chủ trương. Tôi đem việc đó sang bàn với bà Đạm Phương thì được bà hết sức tán thành và hứa sẽ viết bài cho. Tôi thảo một lá đơn gửi lên tòa Khâm xin phép, nhưng chờ mãi không thấy hồi âm. Thực ra luật hồi đó, không cần xin phép mà chỉ cần báo tin là đủ, miễn là có đăng ký tên người quản lý và tên nhà in chính thức là được. Nhưng ở Trung kỳ luật pháp có phần nghiêm ngặt hơn nên chúng tôi phải cẩn trọng. Anh Anh bảo nếu vậy thì không cần xin phép nữa, nhưng để nhà cầm quyền không làm khó dễ thì ta hãy ngụy trang tờ báo thành một cuốn sách, và cứ ra định kỳ. Dựa theo cuốn tiểu thuyết *Les Misérables* của Victor Hugo, tôi trích từng đoạn dịch và in vào mỗi số báo. Từ số 2 tôi trích đoạn nói về Fantine, lấy tên là “Hông nhan bạc mệnh”; số 3 trích đoạn viết về Cosette, lấy tên “Đầu xanh tội gì”. Tôi còn định dịch đoạn nói về Marius, nhưng chưa kịp làm thì tôi bị bắt. Tôi chưa biết là ông Nguyễn

⁽⁴⁾ Theo: Nguyễn Khoa Điềm: tài liệu đã dẫn, tr. 621.

⁽⁵⁾ Đạm Phương: Mấy lời hoan nghênh về việc sáng lập “Phụ nữ tùng san” // *Tiếng dân*, s. ra ngày 5.1.1929; chuyển dẫn theo *Tuyển tập Đạm Phương nữ sử*, Lê Thanh Hiền sưu tầm biên soạn, Nguyễn Khoa Điềm bổ sung sửa chữa, Nxb. Văn học, H., 2010, tr. 331-332.

Văn Vĩnh đã dịch bộ tiểu thuyết này dưới cái tên là “Những kẻ khốn nạn”, do nhà xuất bản Trung Bắc tân văn ấn hành, năm 1928; nếu biết thế thì tôi đã không múa rìu qua mắt thợ.

Số 1 *Phụ nữ tùng san* ra tháng 5-1929 có bài phi lộ của bà Đạm Phương, trong đó bà phân tích và lên án chế độ gia đình và xã hội Việt Nam cả xưa lẫn nay. Bà nói rằng việc cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, bắt đàn bà thủ tiết thờ chồng, hạn chế sự làm việc và học hành của phụ nữ, đều phải vứt bỏ đi cùng tam tòng tứ đức. *Phụ nữ tùng san* tuy nội dung còn nghèo nàn, nhưng hồi đó, nhiều chị em phụ nữ không biết đến báo chí là cái chi, nay có được một tờ báo nói về việc của mình, lại có những chuyện ngắn hấp dẫn nên rất hoan nghênh. Chúng tôi không phải lo đến việc phát hành. Nếu như ở trên nói rằng Nữ công học hội là tổ chức đầu tiên của phụ nữ nước ta, thì *Phụ nữ tùng san* cũng là một trong hai tờ báo của phụ nữ ra đời sớm nhất, cùng với *Phụ nữ tân văn* ở Sài Gòn”.⁽⁶⁾

Chúng ta chưa biết, các nhà nghiên cứu về Huế, về lịch sử báo chí, đã tìm thấy các bản in hai số *Phụ nữ tùng san* này hay chưa.

Loại bài ký tên Dã Lan Nữ Sĩ

Từ số 17 (5.10.1927) trong mục “Phụ nữ điển đàn” của *Tiếng dân* xuất hiện tác giả ký Dã Lan Nữ Sĩ. Tác giả này tóm tắt sự thảo luận giữa Bảo Hòa và Hường Tâm là đã “biểu thị được hai cái khuynh hướng lớn ở trong dư luận nữ giới ta: một bên bảo thủ, muốn duy trì cái gia đình giáo dục từ xưa để lại giờ, cho rằng cần phải có gia đình chuyên chế thì phụ nữ mới khỏi lầm đường sai lối mà cái địa vị người đàn bà thì cứ yên phận ở trong phạm vi gia đình; một bên thì duy tân, phản đối cái gia đình áp chế, mà cho rằng trời sinh người là bình đẳng, dù trai dù gái cũng tai mắt ấy, tâm hồn ấy, tài năng cũng bằng nhau thì nghĩa vụ đối với xã hội cũng ngang nhau mà quyền lợi đối với xã hội cũng phải cho xứng đáng.”⁽¹⁾

Dã Lan Nữ Sĩ chủ trương rằng “địa vị phụ nữ là một phần của lịch sử loài người, phải tiến hóa theo lịch sử”, nhân đây, tác giả thông tin về sự nảy sinh “vấn đề phụ nữ” trong lịch sử thế giới hiện đại, bắt đầu từ trong và sau đại cách mạng Pháp (1789) và có những tiến triển và kết quả đáng kể ở xã hội Âu Mỹ sau thế chiến thứ nhất (1914-18), đã và đang ảnh hưởng sang châu Á. Dã Lan Nữ Sĩ kết luận:

“Dù các bà đạo đức có mắng em là “con nhà mất giầy” đi nữa, em cũng xin thưa thật cùng chị em ta rằng: “Đàn bà không phải là con vật hạ đẳng, lại không phải cái máy sinh con, so tri thức năng lực có thể cũng như đàn ông cả, thì đàn ông có lẽ nào mà coi đàn bà như một hạng “bất thành nhân” mãi. Cái trách nhiệm của chị em ta là phải yêu

⁽⁶⁾ Trần Thị Như Mân: *Sống với tình thương*, hồi ký, Nxb. Thanh niên, tái bản, H., 2007, tr. 27-28.

⁽¹⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ // *Tiếng dân*, Huế, s. 17 (5.10.1927)

cầu cho xã hội công nhận cho ta một đôi chút quyền lợi, vì quyền lợi có sung mãn thì làm nghĩa vụ mới có thể trọn vẹn.

Song em thiết tưởng công việc không phải dễ đâu, chỉ đem một cái ý tưởng bông lông ra mà bàn phiếm sao đà cho đủ. Chị em ta muốn đạt mục đích tất nhiên phải biết, phải học, phải khổ tâm nghiên cứu lý tưởng thực sự cùng lịch sử cho tinh tường, trước là để nâng cao tư cách và tri thức của nữ lưu, sau là để bổ cứu một phần khuyết điểm trong xã hội: em ước ao rằng chị em ta sẽ nhiều người vui lòng mà làm đều ấy thì ngõ hầu mới mong được một ngày mà cùng đàn ông nhìn trời đất".⁽²⁾

Do *Tiếng dân* các số 18, 19 (trong tháng 10.1927) dành mục "Phụ nữ diễn đàn" đăng ý kiến của Tôn Nữ Hường Anh, phản đối ý kiến Huỳnh Thị Bảo Hòa, tác giả Dã Lan Nữ Sĩ có bài "Lại ý kiến đối với vấn đề phụ nữ, nhân đọc chị Hường Anh", đăng 2 số *Tiếng dân* 20 (15.10.1927) và 21 (19.10.1927).

"Chị Hường Anh nói rằng chị em ta ngày nay chưa phải lúc đòi nữ quyền [.....] Vậy trước hết em xin nói riêng về hai chữ nữ quyền cho rõ đã rồi hãy xin cùng chị bàn ra đều khác.

Nữ quyền là cái quyền của người đàn bà. Đàn bà với đàn ông cũng là người cả, vậy nếu có nhân quyền thì phải có nữ quyền. Quyền của người là cái quyền tự nhiên, quyền cố hữu, cái quyền ta bẩm thọ tại tạo hóa sinh ta, nữ quyền tức là nhân quyền, cũng không có gì khác đều đó. Kịp đến khi xã hội đã tổ chức, có chế độ, có pháp luật, thì mới phát sinh ra hai chữ dân quyền. Đàn ông là quốc dân, đàn bà cũng là quốc dân, nói riêng về đàn bà thì dân quyền tức là nữ quyền đó. Ôi! Nguyên lý thì thế mà sự thực có thể đâu! Nhân địa vị đàn bà vì nhiều cố, nhất là vì yếu đuối hơn đàn ông và phải sinh đẻ, nuôi con, mà ở trong lịch sử một ngày một thấp kém, thành ra học thuyết này, chế độ nọ, tục truyền kia, cơ hồ cho người đàn bà là không phải người. [.....] đến khi dân quyền phát đạt như đời nay nữa mà hai chữ dân quyền cũng cứ là riêng của đàn ông. Vì quyền của mình bị tước đoạt cả như vậy nên chị em ở các nước tiên tiến mới cùng nhau vận động mà đòi lại lấy quyền mình, nghĩa là đàn ông được nghe, được thấy, được tư tưởng, được học hành, được làm lụng đều gì, thì đàn bà cũng đòi cho được như thế cả, mà điều gì đàn ông không thích không ưa thì đàn bà cũng đòi có quyền không thích không ưa. Nữ quyền thực là cái quyền cố hữu, cái quyền tự nhiên của trời phú cho ta mà xã hội trở lại cướp của ta đi, đều ấy chắc không ai cãi. Người mà không có quyền làm người, sao gọi là người? Đàn bà mà không có quyền đàn bà, sao gọi là đàn bà?"⁽³⁾

"Em lại xin hỏi các chị rằng, đàn bà ở nước ta có quyền gì hay không? Cứ xem như chữ tam cương, tam tòng, những câu cách ngôn như "Nam tôn nữ ty", "Nhất nam viết

⁽²⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ // *Tiếng dân*, Huế, s. 17 (5.10.1927)

⁽³⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Lại ý kiến đối với vấn đề phụ nữ. Nhân đọc bài của chị Hường Anh // *Tiếng dân*, Huế, s. 20 (15.10.1927)

hữu thập nữ viết vô”, những câu tục ngữ như “Muốn nói ngoa làm cha mà nói, muốn nói không làm chồng mà nói”, thời thấy ngay những lời ấy là hình dung minh bạch cái tình cảnh đàn bà của nước ta, mà đủ biết rằng đàn bà nước ta cũng không ra khỏi ngoài cái tình cảnh chung của đàn bà trong thế giới.”⁽⁴⁾

“Còn chị bảo rằng chúng ta nay “không phải chịu cái kiếp nôi cơm trách mắng, cháo chó rau heo như trước nữa”: điều ấy em cũng xin hoài nghi. Không nói về bọn hạ lưu, chỉ nói về thượng lưu và trung lưu, có phải rằng đàn ông cùng con trai thì dường cao chiểu sạch nhà trên, đàn bà con gái thì lủi thủi suốt ngày nhà dưới, nhất là khi có khách thì lại không giám hé mặt ra; đến khi ăn cơm cũng vậy, đại khái đều gì cũng vậy cả, chị cứ “quan sát” trong gia đình chị thì đủ rõ chứ gì; Còn điều chị em ta nay cũng được đi học như con trai, cũng có trường riêng như con trai, nhưng số con gái được đi học được mấy người chị thử đếm xem. Nhà nào giàu có và đã được khai thông đôi chút thì mới cho con gái đi học, đến khi học xong, hoặc về làm việc nhà, hoặc bỏ đi làm cô mụ làm cô giáo (các chức nghiệp các đàn bà cũng không được làm) thì có khỏi được cái giây cương của gia đình; có khỏi được cái uy lực của đức chồng hay không? Thoảng hoặc có một người nào sẵn khiêu tự do, không chịu được cùm trói, hoặc kiếm đường giao tế cho rộng, để quan sát việc đời, hoặc sẵn sóc đến chuyện công cùng quốc gia xã hội thì trăm tay đều chỉ, trăm mắt đều lườm, đem tặng ngay cho một tiếng “vô gia giáo” mà chê bai xỉ mĩa. Đó là nói về đàn bà thượng lưu với trung lưu, ngoài ra nữa còn đại đa số là hạng đàn bà hạ lưu lao động cả ngày đầu tắt mặt tối mà lo hầu chồng, lo giữ con, còn biết đâu đến giáo dục, đến học thức, đến quốc gia, đến xã hội, các chị em ta thử nghĩ xem đời người như thế thì có oan khổ không?”⁽⁵⁾

Bước sang năm 1928, mục “Phụ nữ diễn đàn” vẫn được duy trì trên *Tiếng dân*, các ý kiến tham gia thảo luận đề tài về “nữ báo”, “nữ quyền” vẫn xuất hiện, nhưng loại ý kiến phản đối khá ít, thường thường là ý kiến chỉ tán thành nên có “tờ nữ báo”, ví dụ ý kiến cô Như Mân (“Vì sao nên lập Phụ nữ tạp chí”, T.D. s. 151), hoặc ý kiến cô Anh Hoa Hồ Thị Minh Ngọc (“Nước ta nên mau có Phụ nữ tạp chí, chưa cần xướng nam nữ bình quyền”, T.D. s. 74, ngày 28.4.1928). Tác giả Dã Lan Nữ Sĩ vẫn góp phần chính cho mục “Phụ nữ diễn đàn”, nhưng ít thảo luận với các phản hồi của bạn đọc hơn là tập trung luận bàn về các khía cạnh của vấn đề. Đó là loạt bài “Vấn đề phụ nữ”, đã đăng tới kỳ thứ tư vẫn thông báo “còn nữa”. Hoặc các bài “Cái thảm họa của chị em ta” (T.D. s. 87, s. 90), “Một cái mậ thuyết của hạng nam tử đối với phụ nữ” (T.D. s. 141, s. 142), v.v. Xin đề cập về các bài này.

⁽⁴⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Lại ý kiến đối với vấn đề phụ nữ. Nhân đọc bài của chị Hường Anh, tiếp theo // *Tiếng dân*, Huế, s. 21 (19.10.1927)

⁽⁵⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ // *Tiếng dân*, Huế, s. 17 (5.10.1927)

Trong loạt bài “Vấn đề phụ nữ”, Dã Lan Nữ Sĩ giải thích cho bạn đọc thấy, nêu lên vấn đề phụ nữ ở xã hội ta là thiết thực chứ không phải viễn vông.

“Đương hồi thần quyền còn mạnh trải mấy nghìn năm, cái chế độ trọng nam khinh nữ, khắp cả Đông Tây cùng như một. Ngày nay thần quyền đã mất mà nhân quyền mới xương thịnh lên, ai lại chẳng bảo thế kỷ thứ 20 này là thế kỷ nhân quyền bành trướng. Người ta sinh ra là có quyền lợi tự nhiên, quyền lợi thiên phú, không ai dày vò được, không ai cướp lẩn được, mà con trai con gái, đàn ông đàn bà, đã là loài người thì phải đều có quyền cả. Làm sao cái quyền làm người đó chỉ nam tử được hưởng mà nữ tử thì không? Ấy đó là một điều đại bất bình trong xã hội vậy. Điều cần kíp của xã hội ngày nay là phải phá bỏ cái nổi bất bình ấy, được như thế thì mới có thể gọi là nhân quyền phát đạt, mới có thể gọi là chân chính nhân quyền. Nói rằng vấn đề phụ nữ là một điều lịch sử tự nhiên là vì thế vậy.

Nhìn xem thế giới, từ hơn trăm năm nay bên Âu châu đã bắt đầu vận động cho phụ nữ được bình đẳng với đàn ông. Hiện ngày nay thì một số nhiều phụ nữ đã đương trong cái cảnh tối tăm khổ sở mà biến ra cái cảnh sáng sủa vui sướng. Trong các việc giáo dục, y tế, cùng là công thương giao thông, phụ nữ đã được dự vào chứ xưa kia thì chỉ lẩn khuất trong xó buồng góc bếp. Trên pháp luật phụ nữ cũng được đãi bằng đẳng với đàn ông. Nói về phương diện tham chính thì cái thành tích của sự vận động phụ nữ lại rõ ràng lắm. Kể về nước độc lập như Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nga, v.v. cùng các nước thuộc địa như thuộc địa tự trị của Anh, đến ngoài ba mươi nước đã nhận cho phụ nữ được quyền dự vào chính sự, chỉ khác là có nơi rộng nơi hẹp mà thôi. Nước Trung Hoa từ hồi Dân quốc thành lập, những nữ ủy viên, nữ thẩm phán, nữ bộ trưởng cũng đã từng có, nước Nhật Bản cũng đã cho đàn bà được làm chức luật sư, cho đến nước Ấn Độ ngày xưa đàn bà bó buộc xiết bao, mà hồi năm 1925 đã từng thấy A-ma phu nhân (Mrs. Madavi Amma) đã bị cử làm quan hành chính địa phương, cùng là xứ Bắng-gan (Bengalie) thông qua cái án nữ tử tham chính. Xem ở các nước trên thế giới đâu đâu phụ nữ cũng đã được quyền lợi khá nói rằng không thẹn với đàn ông, như thế thì ở nước ta, nay nói đến vấn đề phụ nữ thực cũng là phong trào gầy dầy vậy”.⁽⁶⁾

Về những trở ngại của vấn đề, Dã Lan Nữ Sĩ nhắc đến tình trạng của phụ nữ tầng lớp dưới, “dù thôn quê, dù thành thị, sinh hoạt khổ khổ, kiến thức hẹp hòi, túy sinh mệnh tử, có ai đã biết công ích công nghĩa, có ai đã biết đến nhân quần thế giới là gì? Đầu tắt mặt tối cả ngày, chạy vạy lo ăn còn chưa đủ bữa, nữa là nghĩ đến chuyện “bình đẳng”, “tự do”, “nữ quyền”, “giải phóng”. Lớp phụ nữ trung lưu thì “còn đua ăn đua mặc, còn so đẹp so dòn, còn phải trau chuốt phấn son cho trượng phu yêu chuộng, còn phải làm cao lên mặt để thiên hạ nể kiêng. Quốc gia là gì? Xã hội là gì? Thực là minh minh chi

⁽⁶⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ. 1. Vấn đề phụ nữ thích đáng bởi những lẽ gì? // *Tiếng dân*, s. Huế, s. 62 (17.3.1928)

trung, có ai biết tới. Ôi! Tìm lấy một người trong bạn nữ lưu đã giác ngộ được cái địa vị của mình mà biết tìm đường thoát ra cho khỏi thực là không có vậy.” Trong khi đó, giới nam thì nói chung vẫn thừa nhận và lạm dụng tập quán truyền thống áp chế phụ nữ. “Cái chế độ ác liệt nam tôn nữ ty mấy nghìn năm, cái tập tục hủ bại trọng nam khinh nữ, họ còn tân mỹ mà muốn duy trì được đời đời, ngõ hầu họ có tự do mà đãi ngộ đàn bà như hàng súc vật, dùng đàn bà như cái đồ chơi. Trong xã hội các hạng người đối với vấn đề phụ nữ đã lãnh đạm hoặc phản kháng như thế, trách nào mà biết bao đàn bà con gái đành chịu chìm đắm trong cái cảnh khổ đau đốn, trách nào 10 triệu nữ đồng bào ta không tuổi [tuổi] thầm khóc vụng ở xó bếp góc buồng, trong chốn gia đình tối tăm mờ mịt?”⁽⁷⁾

Dã Lan Nữ Sĩ vạch rõ ở xã hội Việt Nam lúc này, khi đã bước vào thế kỷ 20, nhu cầu giải phóng đang đặt ra đối với tất cả các giới; các đòi hỏi đang đặt ra không chỉ là giải phóng phụ nữ mà còn là giải phóng nam giới, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

“Sự vận động giải phóng của đàn bà tuy khó khăn muôn vàn, hẳn có chậm trễ, nhưng nếu đàn ông mà không cùng đàn bà để yêu cầu giải phóng thì sự giải phóng của đàn ông cũng chẳng bao giờ thành. Hai vấn đề ấy nó có quan hệ mật thiết với nhau, ta phải nhận rõ rằng đàn bà mà yêu cầu giải phóng với đàn ông thì đàn ông có quyền đâu mà cho được, đàn ông yêu cầu giải phóng mà lại bỏ đàn bà không kể đến thì giải phóng cũng không thành. Đã hiểu lẽ ấy thì hai bên phải đề huề mà cùng nhau yêu cầu xã hội giải phóng, phá bụi quét gai, đặng đạt tới cái mục đích tối hậu vậy. Nếu không thế thì hai chữ giải phóng dù nói về đàn ông dù nói về đàn bà, cũng đều là chữ trống, mà cái “tân gia đình”, cái “tân xã hội” ta hòng kiến thiết mai sau cũng chỉ là cái mộng tưởng suông”.⁽⁸⁾

Về mục đích cuộc vận động giải phóng phụ nữ, Dã Lan Nữ Sĩ nêu 4 nội dung. Một là giải phóng về đạo đức.

“Các tôn giáo các học thuyết đều đồng tình nhau cho đàn bà là một thứ người vô nhân cách, một thứ người không phải là người, một thứ người tha hồ cho đàn ông dày vò áp chế. Nhân vì đàn bà chỉ là cái đồ chơi để thỏa thích dục vọng cho đàn ông nên cái thuyết trinh thảo mới ứng thời mà xuất hiện. Đàn bà thì phải lấy một chồng, rui mà chồng có chết đi, thì suốt đời phải ôm “tiết” mà ngồi đó. Còn đàn ông thì ngoài sự lấy vợ để thỏa mãn vật dục, lại còn chơi bởi ong bướm, lại còn được lấy năm thiếp bảy thê. Vợ có chết sớm đi thì lấy vợ khác, không ai bắt phải ngồi mà thủ tiết với vợ. Cái tình cảnh đàn bà làm vợ, làm hầu, thực là không khác gì một đứa nô lệ vậy. Ta xem cái nạ có người

⁽⁷⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ. 2. Những sự chướng ngại của vấn đề phụ nữ // *Tiếng dân*, Huế, s. 63 (21.3.1928)

⁽⁸⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ. 2. Những sự chướng ngại của vấn đề phụ nữ // *Tiếng dân*, Huế, s. 63 (21.3.1928)

vợ vua ba năm không thấy mặt chồng mà làm tiêu biểu thì biết cái địa vị đàn bà là đề tiện cực khổ biết bao.

Vậy muốn giải phóng cho phụ nữ, thì trước hết phải cầm một cái đạo đức mới mà thay cho cái đạo đức khốc liệt ấy trước, phải phá đổ cái thuyết nam tôn nữ ty mà cầu cho phụ nữ được đãi ngộ đồng đẳng với đàn ông, phải phá đổ cái thuyết tam tòng mà cho phụ nữ được quyền tự lập. Đàn bà đã phải trinh tháo thì đàn ông cũng phải trinh tháo như đàn bà, đàn bà phải lấy một chồng thì đàn ông phải lấy một vợ.

Nói tóm lại là sau này cái đạo đức và phong tục “nửa mặt” kia phải phá bỏ đi mà gây dựng ra một cái “đạo đức mới” cho hợp với chính lý vậy”.⁽⁹⁾

Hai là giải phóng về giáo dục.

“Đàn bà đã bị một cái đạo đức bất công bình như vậy nó bó buộc nên cả đời từ nhỏ đến già cứ phải nhốt ở trong nhà. Cái thuyết “nam trị ngoại nữ trị nội” ấy nhân đó mà thịnh hành. [...]. Vì không được học mà tài năng không được phát triển, dần dần lại càng bạc nhược thêm, mà phải thành một giống một tài vô năng vậy”.[.....] Gần đây nước ta tiếp xúc với Tây phương thì vấn đề nữ tử giáo dục tuy có thực hành tại các nơi đô thị, nhưng con gái cắp sách đi học được chẳng qua trăm phần mới có một phần [...] chưa có thể gọi là sung mãn vậy. Con gái lại chỉ học được ban tiểu học mà thôi, chứ trường trung học thì chưa có [...] mà trường chuyên môn (trừ trường sư phạm) thì con gái cũng không được vào. Và chẳng cách huấn luyện trong trường tiểu học của con gái thì ngoài cái tri thức thông thường là chỉ dạy cho biết làm vợ làm mẹ [...] chứ không hề nói đến cái trách nhiệm của phụ nữ đối với xã hội nhân quần. Vậy đã nói giải phóng thì phải phá đổ cái thuyết “nam trị ngoại nữ trị nội”, cầu cho nữ tử giáo dục được chấn hưng, và cầu cho cách giáo dục không những chỉ chăm tạo thành những mẹ hiền vợ thảo, mà phải chú ý cả về việc tạo cho đàn bà thành một thứ người có nhân cách đối với xã hội, nhân quần vậy”.⁽¹⁰⁾

Ba là giải phóng về kinh tế.

“Đời thượng cổ, về hồi chế độ mẫu hệ, quyền lực trong gia tộc là thuộc về đàn bà cả, nhất là quyền kinh tế [.....] Chế độ mẫu hệ [...] biến thành chế độ phụ hệ, từ đó quyền kinh tế của đàn bà mất hẳn mà phải phụ thuộc với đàn ông. Ngày đôn tháng chúa, kết cục thì đàn bà đã thành một giống ăn nhờ. [...] Vậy ta nói giải phóng kinh tế thì phải giải phóng thế nào? Phải yêu cầu cho đàn bà được quyền tập sản (ăn của di sản cha mẹ) ư? Đó chỉ mới là cái phương pháp trị tiêu. Phải yêu cầu bỏ cái luật ly hôn ư? Như vậy thì lại trái với quyền tự do lắm lắm. Cái biện pháp căn bản là phải đề xướng phụ nữ lao động. Người ta mà muốn được cho đủ cái sở nhu thì phải có sức lao động cho tương

⁽⁹⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ. 3. Mục đích giải phóng // *Tiếng dân*, s. Huế, s. 64 (24.3.1928)

⁽¹⁰⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ. 3. Mục đích giải phóng // *Tiếng dân*, s. Huế, s. 64 (24.3.1928)

đương, vậy chị em chúng ta mà muốn kinh tế được giải phóng, được độc lập, thì phải lao động, để gặp những lúc bất bình cũng có thể tự túc mà khỏi đến nỗi đọa lạc vào chỗ "lửa nóng giãm chua".⁽¹¹⁾

Bốn là giải phóng về chính trị.

"Chính trị là quản lý việc công cộng, việc chung của quốc gia. Nước là của chung cả đàn ông đàn bà, cứ sao lâu nay chỉ đàn ông được dự việc chính trị mà đàn bà thì phải bỏ ra ngoài? Quốc kế dân sinh, quốc nguy dân hoạn, há không quan hệ gì đến một nửa phần quốc dân là đàn bà hay sao? Vì nỗi bất bình ấy mà phụ nữ các nước Âu Mỹ, trong vấn đề phụ nữ, cho sự tham chính là vấn đề tối yếu, hết sức vận động, đến nay thành công cũng đã được nhiều phần. Cái phong trào phụ nữ tham chính nổi dậy đã được mấy chục năm nay, ở Âu châu, Mỹ châu cho đến Úc châu, cùng là Trung Hoa, Nhật Bản, hội xã này đoàn thể nọ, cổ động tuyên truyền, nào phát hành báo chí, nào lập đàn diễn thuyết, nào kéo nhau tuần hành thị uy, nào cùng lính cảnh sát xung đột, sự vận động nữ quyền ở thế giới ngày nay đã đến cái trình độ rất nhiệt liệt vậy. Bởi họ phấn đấu mạnh mẽ như vậy mà ngày nay những vị bộ trưởng, nữ nghị viên, nữ đại sứ, nữ thẩm phán, đã thấy xuất hiện thường thường, trên trường chính trị đàn bà đã tỏ ra cái tri thức và tài năng không kém gì đàn ông vậy.

Chị em ta đã quyết làm giải phóng về đạo đức, giáo dục, kinh tế thì lại phải làm giải phóng về chính trị nữa thì mới hoàn toàn. Ta lại phải hiểu rằng việc tham dự chính trị cũng là con đường để cầu giải phóng về xã hội vậy. Vẫn rằng cái tình thể hiện thời của nước nhà thì nói đến chính trị giải phóng thực là viễn vông, vì chính đàn ông cũng chưa có quyền tham dự chính trị hưởng chi đàn bà, nhưng đã không bàn đến vấn đề phụ nữ thì thôi, chứ đã bàn đến thì phải nói cho thấu triệt. Vậy nói về chính trị giải phóng, tuy có xa xôi, mà không phải là vô lý được".⁽¹²⁾

Trong số các bài của Dã Lan Nữ Sĩ còn phải kể bài "Cái thảm họa của chị em ta" và bài "Cái mâu thuẫn của một hạng nam tử đối với phụ nữ", phân tích phê phán một bài trên tập san "Tiếng chuông nhà học" (tập san của giới nhà giáo), nhấn mạnh các quan niệm "nam cương nữ nhu", "nam nội nữ ngoại" để lên tiếng khuyên phụ nữ không nên ra khỏi nhà đến làm việc ở các công sở. Tác giả bài viết ấy, dù không bị Dã Lan nêu tên, đã lên tiếng đáp lại; báo *Tiếng dân* đã đăng bài của ông ta (Minh Đức: "Trả lời bài "Cái mâu thuẫn của một hạng nam tử đối với phụ nữ" của cô Dã Lan", *T.D.*, s. 145 ngày 9.1.1929, s. 147 ngày 16.1.1929, s. 148, ngày 19.1.1929) cho thấy những luận điểm của tư tưởng nam quyền vẫn đang thịnh hành.

⁽¹¹⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ. 3. Mục đích giải phóng, tiếp theo // *Tiếng dân*, s. Huế, s. 65 (28.3.1928)

⁽¹²⁾ Dã Lan Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ. 3. Mục đích giải phóng, tiếp theo // *Tiếng dân*, s. Huế, s. 65 (28.3.1928)

Cuốn sách “Phụ nữ vận động”, Dã Lan Nữ Sĩ dịch, Quan hải tùng thư xb., Huế, 1928

Cũng trong dịp đi tìm lại tài liệu, bạn Kim Hiền tìm được cuốn “Phụ nữ vận động” do Dã Lan Nữ Sĩ dịch từ nguồn Trung Hoa, sách do Quan hải tùng thư xuất bản năm 1928, in tại nhà in Tiếng dân ở Huế. Đây có thể là cuốn sách sớm nhất ở Việt Nam thông tin khái quát về phong trào nữ quyền trên phạm vi thế giới. Sách này hiện cũng có bản microfilm tại Thư viện Quốc gia (31 Tràng Thi, Hà Nội).

Đây là cuốn sách phổ cập tri thức xã hội chính trị, sách mỏng (56 tr. 13x19 cm), ngoài chính văn còn có phần “Từ khảo” giải nghĩa các thuật ngữ xã hội, chính trị, triết học dùng trong sách. Nội dung sách có các phần sau:

I. Phụ nữ vận động: Tư tưởng Rousseau, Luther về nhân quyền; sự nảy sinh tư tưởng bình đẳng nam nữ trong đại cách mạng Pháp, lan truyền sang Anh và các nước châu Âu; cách mạng công nghiệp tạo điều kiện cho yêu cầu đòi nam nữ bình quyền; thể chế 1 khiến phụ nữ càng có vai trò trong khu vực quản trị công ở hậu phương. “Phụ nữ chủ nghĩa mà phát sinh ra [...], là bởi cái văn minh của nhân loại đã đến trình độ ấy, nghĩa là dân quyền phát đạt, công nghệ thịnh hành, mà cái thể nó không phát sinh ra không được, thực là một lẽ tất nhiên của lịch sử vậy”.⁽¹⁾

II. Hai trào lưu lớn về vấn đề phụ nữ: tại các nước lật đổ hoặc bỏ qua thể chế quân chủ để xây dựng thể chế cộng hòa, lập nghị viện, thì phong trào phụ nữ nổi bật ở vấn đề “phụ nữ tham chính” (đòi quyền bầu cử, ứng cử cho phụ nữ); ở các nước khác, chế độ quân chủ còn nặng, thì phong trào phụ nữ nổi bật ở vận động giải phóng phụ nữ.

III. Việc vận động tham chính của phụ nữ: thông tin diễn biến và kết quả vận động “phụ nữ tham chính” ở Bắc Mỹ, Anh, các nước thuộc địa của Anh, Scandinavie, Pháp, Hà-lan, Đan-mạch, Nga, v.v.

IV. Vận động phụ nữ ở Anh: những tiến triển ở nước Anh từ thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 20 về vị trí người phụ nữ trong xã hội; những tác phẩm đòi nữ quyền; chuyển biến trong hiến pháp về quyền tuyển cử; hoạt động của hội “Phụ nữ xã hội chính trị”, biểu tình, bạo hành, đập phá, các thủ lĩnh phong trào bị bắt bị tù; lại có hội phản đối phụ nữ tham chính; đến đầu 1928 thượng hạ nghị viện Anh thông qua luật cho phụ nữ toàn quyền bầu cử như đàn ông.

V. Vận động nữ quyền ở Trung Hoa: nền văn minh tối cổ này xuất hiện sớm hơn phương Tây nhưng ngủ say quá lâu trong thời trung cổ, chỉ giật mình khi châu Âu “đem súng bắn tận tai”. Trước lúc nền Dân Quốc thành lập (1911) cũng đã có phụ nữ hoạt động chính trị, nhưng chưa ai nêu yêu cầu nam nữ bình đẳng; từ 1912 mới có các hoạt

⁽¹⁾ *Phụ nữ vận động*, Dã Lan Nữ Sĩ dịch, Quan hải tùng thư, Huế, 1928, tr. 9.

động vận động nữ quyền; nét chung ở Trung Hoa là những vận động nữ quyền mới chỉ diễn ra trong giới trung lưu, còn các giới thấp hơn thì chưa biết tới.

Sách “Phụ nữ vận động” là do Quan hải tùng thư xuất bản. Ta biết cơ sở xuất bản này là do Đào Duy Anh (1904-1988) chủ trương. Tìm những nghiên cứu về Quan hải tùng thư hay thư mục Đào Duy Anh ⁽²⁾ sẽ thấy: Quan hải tùng thư thời gian đầu in được 13 tập sách mỏng, phổ biến học thuyết duy vật cách mạng, phỏng theo sách chữ Hán và chữ Pháp, trong đó cuốn “Phụ nữ vận động” do Đào Duy Anh dịch.

Trong hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm* (công bố 1989) của ông, có ghi rõ: “Để thấy rằng ngày nay phụ nữ cũng tham gia hoạt động xã hội và chính trị như đàn ông, tôi cho ra tập “Phụ nữ vận động” (sách của Đông phương văn khố) do tôi phiên dịch”.⁽³⁾ Vây Dã Lan Nữ Sĩ là bút danh của Đào Duy Anh.

Ta biết, Đào Duy Anh là một trong số 4 – 5 nhân vật sáng lập tờ *Tiếng dân* và giữ vai trò thư ký tòa soạn (hay chủ bút) từ đầu cho đến khi ông bị bắt (tháng 8.1929).

Vây mục “Phụ nữ diễn đàn” trên báo *Tiếng dân* chính là do ông biên tập và trực tiếp viết khá nhiều bài suốt các năm 1927-1929, nhiều nội dung của phong trào nữ quyền trong sách “Phụ nữ vận động” cũng được ông truyền bá trong các loạt bài viết.

Điều đặc sắc là trong hoạt động báo chí ở thời đoạn ngắn ấy, ông ký một bút danh phụ nữ, có lúc xưng “em” để chuyện trò cùng các “chị em”; cũng có lúc bị một tay bút đàn ông coi như một người nữ nên đã lên tiếng khuyên nhủ, dạy bảo khá trịch thượng lối “đàn anh”! Tiếc rằng chuyện sử dụng “mặt nạ tác giả” rất thú vị này lại không được ông đề cập khi ngồi viết hồi ký (1972)! Ông ghi rất vắn tắt với một vẻ khiêm nhường tuy cũng đầy tâm trạng: “Công việc của tôi ở báo *Tiếng dân* trong mấy năm 1927, 1928, 1929 chỉ là công việc của người viết báo thường, chẳng có gì cần nhắc đến, còn công việc hoạt động cách mạng của tôi trong thời gian ấy là thời gian đảng chưa chuyển biến để trở nên một thành phần của Đảng cộng sản Đông Dương nên cũng chẳng có gì quan trọng đáng ghi, mặc dầu từ khi đảng đổi tên làm Tân Việt cách mạng đảng từ tháng 7 năm 1928 thì tôi được cử làm tổng bí thư của đảng”.⁽⁴⁾

Phan Bội Châu với cuốn “Vấn đề phụ nữ”, Duy tân thư xã xb., Sài Gòn, 1929, và các ngôn luận khác của “Ông già Bến Ngự”

Cuốn “Vấn đề phụ nữ” của Phan Bội Châu đăng 2 kỳ *Đông Pháp thời báo* (s. 653 ngày 1.12.1927, s. 662 ngày 22.12.1927), sau đó đưa in thành sách riêng (Duy tân thư xã, Sài Gòn, 1929, 31 tr.); có tài liệu nói sách này bị cấm không được phát hành. Tuy

⁽²⁾ “Thư mục Đào Duy Anh”, Tạ Trọng Hiệp soạn, *Đoàn kết*, Paris, s. 403, tháng 6.1968, tr. 27.

⁽³⁾ Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, hồi ký, Nxb. Trẻ, tái bản, 1989, tr. 34

⁽⁴⁾ Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, hồi ký, bản tái bản, Nxb. Trẻ, Tp.HCM., 2000, tr. 23.

vậy hiện vẫn có bản microfilm sách này (tại Thư viện quốc gia Pháp, hiện có bản tặng Thư viện quốc gia Việt Nam). Tác phẩm này xuất hiện tại Sài Gòn, nhưng tác giả Phan Bội Châu hẳn đã viết nó tại Huế.

Phần I, về địa vị phụ nữ trong lịch sử. Thời thượng cổ nam nữ như nhau; trải tiến hóa, trong tranh giành cướp bóc giữa các bộ lạc, đàn ông tỏ ra mạnh mẽ hơn hẳn đàn bà; rồi đàn bà trở thành thứ của cải có thể cướp bóc, chiếm đoạt lẫn nhau; bên trong từng bộ lạc, từng cộng đồng, đàn bà bị coi như của cải nên thường bị cầm giữ bằng một loạt cấm đoán; ý thức hệ hình thành (ví dụ Nho giáo) sẽ hợp thức hóa điều đó bằng hàng loạt quy phạm, như “nam tôn nữ ty”, v.v.

Phần II, về nữ quyền, giải thích văn tǎt, nữ quyền là một nội dung của nhân quyền, nhưng nội dung này chỉ nảy sinh ở phương Tây rồi du nhập vào các xã hội Đông Á.

“...có một việc rất quái gở lạ lùng, gần đây mới xuất hiện! Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ thứ XX, làn sóng văn minh ở Âu Mỹ đẩy ít nhiều bọt bèo vào Đông Á, thành linh mà hai chữ “Nữ quyền” mới nảy ra ở trên mấy tờ báo, nhân thấp thoáng ở bên tai các cô, các chị cũng có hai chữ “Nữ quyền” [...] Theo ở trên mặt chữ mà nói, “Nữ quyền” nghĩa là quyền người đàn bà, cũng như “Nam quyền” nghĩa là quyền người con trai, nhưng xét cho đến gốc chân lí, thăm cho đến nguồn triết học, thời “Nữ quyền” với “Nam quyền” tất cả thu nạp vào trong hai chữ “Nhân quyền”. “Nhân quyền” nghĩa là quyền của người mà cũng là quyền làm người. Rǎng quyền của người, tức là quyền đó, hể người thời đáng được. Rǎng quyền làm người tức là đã một con người, tất có quyền được làm con người mà không phải là làm trâu làm ngựa. Con trai là người, con gái cũng là người, ở trong chữ quyền người đã bao bọc cả trai với gái, không cần phải phân biệt Nam quyền, Nữ quyền. Nếu phân biệt Nam quyền, Nữ quyền cũng là dư. Nhưng chỉ vì từ tệ hại quân chủ chuyên chế phát sinh ra, mà cái học thuyết “Tam cương” làm tai hại cho một số người rất nhiều, mất trót hết quyền người, xem như hình không khác gì trâu ngựa...”

(1)

Phần III, Phụ nữ vận động, nói về sự nghiệp vận động phụ nữ, theo Phan Sào Nam, gồm những nội dung chính: 1/ mở mang tri thức cho phụ nữ; 2/ liên kết đoàn thể cho phụ nữ; 3/ chấn hưng chức nghiệp cho phụ nữ (vấn đề lao động, việc làm, thu nhập...); 4/ nâng cao địa vị phụ nữ trong xã hội. Nội dung thứ tư này, theo Sào Nam, cần nhắm tới một số nội dung: a/ cải cách những tập quán xưa cũ, như tục gả bán, quyền thừa kế, sự tham dự các công việc cộng đồng; b/ phế trừ những lễ giáo cổ hủ như “Nam nữ thụ thụ bất thân”, “Nam nữ bất đồng tịch nhi tọa”, v.v.; c/ thực hành những “chủ nghĩa mới” (như “độc thân sinh hoạt” tức nâng cao sự tự chủ bản thân; “cộng đồng sinh hoạt” tức liên kết với cộng đồng về giới, về nghề nghiệp, v.v.; và “gia đình giải phóng”, tức là giải phóng về quyền kết hôn, về quyền chức nghiệp, về quyền gia sản).

(1) Phan Bội Châu, *Vấn đề phụ nữ*, Duy tân thư xã, S.G., 1929.

Trong tác phẩm này, PBC không ngừng nhấn mạnh đến tính chất quyết định của độc lập nội tâm ở người phụ nữ, cùng các phong trào tiến bộ của thế giới, là động lực thay đổi chính, hoàn toàn không nuôi ảo tưởng ở hệ thống chính trị, hệ thống giáo dục đương thời: “Xin chị em ta cứ cầu trí thức ở nơi thực hành, không cầu trí thức ở nơi giáo dục, bởi vì đời bây giờ những cơ quan giáo dục rặt là cơ quan hủ bại, cầu với gia đình thì gia đình quá mù mịt; cầu với quan phủ, thì quan phủ quá tối tăm; họ đương ra sức bưng bít trí thức mình; có ai là người mở mang trí thức cho ta, chỉ có trong thần lương tri của mình, ngoài thời phong triều mới của thế giới. Thần lương tri đó là thần soi đêm; phong triều mới của thế giới đó là chuông thức ngủ, chị em ta còn phải ỷ lại vào ai nữa đâu?” (*Vấn đề phụ nữ, Phan Bội Châu Toàn tập*, tập 7, tr. 130).

Một số xuất bản phẩm chính khác của Phan Bội Châu liên quan đến vấn đề phụ nữ. Ngoài loạt bài về “Vấn đề phụ nữ” trên *Đông Pháp thời báo*, và cuốn *Vấn đề phụ nữ* in sau đó (đã giới thiệu tóm tắt ở trên), cần kể một số xuất bản phẩm đang ngày càng được giới nghiên cứu về Phan Bội Châu tại Việt Nam chú ý đến:

1. **Lời tuyên ngôn thông cáo cả toàn quốc**, *Trung Bắc Tân Văn* (phụ trương 14.01.1926). Trong thông báo đầu tiên sau khi được ân xá, Phan Bội Châu minh định trước “anh chị em quốc dân đồng bào” về chủ trương “Pháp Việt đề huê” **có điều kiện**, với phương châm chính là chấp nhận trung thành với Nhà nước Bảo hộ với điều kiện chính quyền không áp bức, mà thực tâm thi hành chính sách cải lương giáo dục, có lợi ích cho người dân Việt Nam. Đặt hy vọng vào giáo dục, khai hoá... là vấn đề trọng tâm trong thông điệp mở đầu giai đoạn “an trí” tại Huế của nhà cách mạng.

2. **Bài diễn thuyết tại trường Nữ học Đồng Khánh Huế** (17.03.1926) đăng tải trên *Đông Pháp Thời Báo* cùng tháng. Bài diễn thuyết đầu tiên trực tiếp hướng đến một công chúng phụ nữ, nhấn mạnh đến mối liên hệ mật thiết nhân quyền -- vị thế của người công dân -- vấn đề trách nhiệm và quyền lợi: “Một là chị em phải biết chị em cũng là người. Hai là chị em cũng phải biết chị em là dân trong nước. Ba là chị em cũng phải biết chị em cũng nên có nghĩa vụ như con trai. Bốn là chị em cũng nên được quyền lợi như con trai”. Điểm đặc biệt là ngay từ đầu Phan đã khẳng định nam nữ bình đẳng trên cơ sở quan điểm khoa học về sinh lý: “Các chị em chẳng phải là cũng tai thông mắt sáng, có đầu óc, có chân tay, đủ khí phách loài người, đủ tâm huyết loài người đó sao? Lấy sinh lý học mà suy ra, các cơ quan về đường cảm giác và đường tác dụng, con trai và con gái có gì khác nhau?” (Một số nhà nghiên cứu như Đào Lê Tiến Sỹ trong bài “Những tiền đề cho sự ra đời diễn ngôn nữ quyền trong các sáng tác sau 1925 của Phan Bội Châu” (*Văn hóa Nghệ An*, 12/2017) xem sự mở rộng quan niệm từ phạm trù “quốc dân” sang phạm trù “người” phổ quát là đóng góp đặc biệt của Phan Bội Châu trong việc kiến tạo diễn ngôn nữ quyền đầu thế kỷ XX).

3. Bài diễn thuyết tại Nữ công học hội Huế (27.06.1926) (đăng tải trên *ĐPTB* tháng 9/1926). Nữ công học hội là tổ chức đầu tiên của phụ nữ tại Việt Nam, mà lại ra đời ở Huế, thành trì của tư tưởng bảo thủ (như lời PBC : “chốn mây mù man mác gió thu ngục quỷ trong mấy ngàn năm, bỗng chốc là hiện ra một tia sáng chói”). Phan Bội Châu nhân sự ra đời của tổ chức dân sự công khai này mà nhấn mạnh đến sự chênh lệch một trời một vực giữa tình trạng liên kết đoàn thể của phụ nữ tại Việt Nam với các nước: “chúng tôi khi ở đất khách trông thấy bạn đàn bà con gái... người ta hội nọ, hội này, đoàn già, đoàn trẻ, rầm rầm rộ rộ, như cá nhảy chim bay. Những hội: Ái quốc phu nhân hội. Phụ nữ lao động hội ở Nhật Bản, Nữ tứ thanh niên hội, Phụ nhân liên hiệp hội ở Trung Hoa..., Phụ nữ tham chính hội ở nước Anh, nước Mỹ đều là những quần thoa kết đội cân quốc lên đàn... Tôi... ngậm ngùi dưới ngọn đèn hiu hắt giờ pho lịch sử cổ của mình ra xem từ xưa tới nay không có một chữ nào mà kể đến người đàn bà con gái nước ta có việc hay gì về nhóm hội ở ngoài cạnh buồng khoé bếp...”

Trong bài diễn thuyết này, chủ ý của Phan là hoá giải triệt để hai ngộ nhận chính về luân lý phương Đông và phương Tây, đối lập luân lý phương Đông với luân lý phương Tây. Đồng nhất tư tưởng phục tùng trong đạo lý phương Đông với điều lạc hậu cần huỷ bỏ hoàn toàn, mà không phân biệt phục tùng nô lệ với phục tùng lẽ phải. Đồng nhất tư tưởng độc lập trong luân lý phương Tây với tình trạng “thân ai nấy lo”, mà không thấy giá trị của thái độ trách nhiệm, không ỷ lại. Soi sáng các ngộ nhận để đi xa hơn. Thừa nhận “luân lý Đông Phương trọng về hạn chế, Luân lý Tây Phương trọng về tự do”, Phan Bội Châu tìm cách thống hợp luân lý Đông-Tây trong một quyền cao tốt bậc, ông gọi là “quyền thẩm phán” của “vị thần óc” (hay “thần lương tri” theo điển đạt trong cuốn *Vấn đề Phụ nữ*).

4. Bài “Về vấn đề phụ nữ”, trả lời trưng cầu ý kiến của báo *Phụ Nữ Tân Văn* (04.07.1929) (bị kiểm duyệt tổng cộng 25 dòng, Nguyễn Thúc Chuyên bổ sung toàn văn theo di cảo, in trong “Phan Bội Châu văn tập”, vanhoanghean.com.vn, 31.03.2012).

Bài trả lời *Phụ Nữ Tân Văn* có thể coi là khép lại giai đoạn đầu tiên của thời kỳ an trí tại Huế của ông già Bến Ngự. Phan Bội Châu lên án triệt để các di hại của lối “giáo dục ngu dân” của chế độ vua quan chuyên chế và tính chất giả dối của nền giáo dục đương thời, mà ông cho là thậm chí còn nghiêm trọng hơn cái hoạ áp chế trong gia đình: “Khốn khổ nhất là giáo dục ngày nay, không lo uốn nắn từ lên ba, lên bảy, lo vun đắp khắp kẻ chợ nhà quê. Hình thức bề ngoài tuy có cái mặt nạ giáo dục, là tinh thần bên trong cốt làm tiêu mòn cái chân tính của con người! Giáo dục giả dối bao nhiêu, thời phụ nữ sa sút bấy nhiêu, cái hoạ áp chế trong gia đình không bằng sấp nước bông, hao hết thì giờ quý báu vì đua hồng diện lục; mua được một lá bằng tốt nghiệp, thời xem cha mẹ, chú bác

không đáng một xu, mang được một cái lột ma-đam thời xem đất nước quê hương không bằng một sợi tóc, thế mà nữ sĩ này, nữ sĩ nọ, danh hiệu um sùm, thế mà nay nữ quyền, mai nữ quyền, kêu rêu xao xác, phụ nữ như thế, còn vấn đề gì mà phải bàn nữa đâu! Những người còn có tâm huyết, còn có can trường, xét đến tình trạng phụ nữ xã hội ta, bảo không chán ngán buồn rầu làm sao đặng!”. Phan một lần nữa nhấn mạnh đến sức mạnh “thần diệu” của việc tự học, tự giáo dục: “mình giáo dục lấy mình, ấy là thượng sách. Mắt chị em vẫn hay thấy, tai chị em vẫn hay nghe, miệng lưỡi chị em vẫn hay nói, óc thiêng chị em vẫn hay tư tưởng, tay chân chị em vẫn hay hành động. Nếu chị em không tự mù lấy mình, mà ai bắt mình mù đặng ; mình không tự điếc lấy mình, mà ai bắt mình điếc đặng ; mình không tự câm lấy mình, mà ai bắt mình câm đặng ; mình không tự ngu lấy mình, mà ai bắt mình ngu đặng ? [...] Hể những sự nghiệp gì rất khó khăn, rất to lớn, món trai không làm nổi, chị em ta quyết chí làm nên. [...] Chị em muốn giữ quyền người, muốn tranh quyền gái cũng chỉ bấy nhiêu”.

Cho đến nay, vai trò của Phan Bội Châu đằng sau các hoạt động của Nữ công học hội đã bắt đầu được ghi nhận, mối quan hệ giữa Ông già Bến Ngự với Đào Duy Anh, lãnh đạo đảng Tân Việt và vợ ông, bà Trần Thị Như Mân, phụ trách nữ giới của đảng, cũng là người phụ trách *Phụ nữ từng san*, bắt đầu được chú ý (“Hai vợ chồng đều được PBC coi là bạn tâm giao. Phương châm vận động phụ nữ được PBC nêu gồm: mở mang đường trí thức của phụ nữ, liên kết đoàn thể của phụ nữ, chấn hưng chức nghiệp của phụ nữ, nhắc cao địa vị của phụ nữ. Các hoạt động của Nữ công học hội, của Như Mân và các đồng chí của bà đều theo sát các phương châm trên. Ngoài các công việc hỗ trợ phía sau mà chúng ta chưa biết hết, rõ ràng Ông già Bến Ngự còn đảm nhiệm chức năng là lý thuyết gia, là người biên soạn tài liệu huấn luyện chủ nghĩa nữ quyền được (nỗ lực) phát hành từ Huế vô tận Sài Gòn”, Bùi Trân Phượng, “Ông già Bến Ngự và nữ giới”, *Tuần lễ Văn hoá Huế* 2010).

Việc phát hiện ra Dã Lan Nữ sĩ, tác giả của loạt bài về “Vấn đề phụ nữ” trên báo *Tiếng dân* (từ 1927 đến 1929), chính là Đào Duy Anh và ông cũng rất có thể là người trực tiếp phụ trách mục “Phụ nữ Dẫn đàn” của tờ báo này, cho phép đặt câu hỏi về những ảnh hưởng của Phan Bội Châu đến nhà hoạt động trẻ tuổi Đào Duy Anh, hay những trao đổi hợp tác giữa hai người, trong quá hình thành quan niệm mới về nữ quyền, về vận động phụ nữ. Ngay trong khổ mở đầu cho cuốn hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Đào Duy Anh nhớ lại cuộc đón tiếp cụ Phan Bội Châu ở Đồng Hới một buổi trưa cuối năm 1925, khi ông đang là một giáo viên tỉnh lẻ. “Vào buổi xế chiều của cuộc đời”, Đào Duy Anh ghi nhận đó là sự kiện “định hướng cho cả cuộc đời tôi từ trước đến sau”. Những thông điệp về phụ nữ của Phan Bội Châu đầu năm 1926 sau đó chắc chắn không xa lạ với Đào Duy Anh.

Đáng tiếc là, trong cuốn hồi ký này, sử gia họ Đào đã không hề nhắc đến những đóng góp nói chung của chính ông với Tiếng Dân, trong thời kỳ ông là thành viên ban lãnh đạo tờ báo, cũng như đóng góp về vấn đề nữ quyền của ông qua các bài viết với bút danh Dã Lan Nữ Sĩ, cùng những liên hệ cá nhân với Phan Bội Châu trong lĩnh vực này.

Nhà báo Huỳnh Thúc Kháng và một số phát ngôn về nữ quyền

Bạn Kim Hiền tìm thấy bản chụp sách “Nữ quốc dân tu tri” trong đó phần chính do Phan Bội Châu soạn những điều nữ quốc dân nên biết, kèm trong sách có lời đề từ của Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ Huỳnh Thúc Kháng. Cuốn sách này do Nữ công học hội xuất bản và giữ bản quyền, trong sách còn có “Bài đáp của cụ Nghị trưởng Viện Nhơn dân đại biểu Trung Kỳ”, có lẽ là đáp từ của Huỳnh Thúc Kháng tại lễ khai trương Nữ công học hội (15.6.1926), sau diễn văn của bà hội trưởng Đạm Phương.

Huỳnh Thúc Kháng đương nhiên ủng hộ, cổ vũ việc lập hội của Đạm Phương và các nữ đồng nghiệp, ông cũng đánh giá cao nỗ lực truyền bá nữ quyền của Phan Bội Châu.

“Nước ta thuở xưa học thuyết nước Tàu nam tôn nữ ti, nam ngoại nữ nội, có câu sanh nữ bất sanh nam, hoàng cấp bất khả sử. Và tục ta có câu: nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô. Lại có câu: vô phúc mới sinh ra con gái.

Những học thuyết chuyên chế của bọn đàn ông bày đặt ra, truyền nhiễm đã lâu, thành ra một cái tập quán xấu, gần như là việc xã hội là việc riêng của bọn mày râu mà bọn quần thoa không được dự... đã không được dự việc xã hội, nên không cần chi học hành, không cần chi giao thiệp, tri thức không trao đổi nhau, công việc không liên hiệp nhau, tư cách càng đê hèn, mà công nghệ cũng không phát đạt, cái hại đầu từ trong gia đình mà ngấm ngấm tràn khắp trong xã hội. Hiện xã hội ta mà đến hư hại đê liệt thế này, từ bề ngoài mà xem thì hình như vì cái hư của đàn ông cả, mà xét kỹ bề trong, thì đàn ông hư năm sáu phần, mà đàn bà ba bốn phần, mà không có thể chối cãi được [...]. Gần hai mươi năm nay, ngọn triều Âu hóa đã tràn khắp nước ta, đàn ông đã hấp thụ tư tưởng văn minh ít nhiều, mà cái làn sóng nữ quyền cũng dần dần nổi lên, làm cho cái học thuyết hủ lậu thừa nay, không thể tồn tại được. Trường nữ học đã khắp cả mọi nơi, mà báo giới văn đàn thịnh thoảng đã thấy có bọn quần xoa xen vào một vài phần nghị luận, để tỏ lòng thương nòi yêu giống với quốc dân. Nữ giới nước Nam bị bọn đàn ông dang [gian] xảo đê ép đã mấy đời, nay mới mở mặt, dương mày, đem vai mà chen vào gánh xã hội, mới mẻ thật, mà cũng đáng trông thật. [...] Giữa đất Huế này chưa có hội gì mới, nay mới có Nữ công học hội ra đời mấy tháng nay, nội dung chưa biết ra thế nào,

song chỉ thấy cái tên mà bọn mày râu đã sinh thẹn, tấm lòng sốt sắng của bà hội trưởng cùng mấy chị em hội viên thực đáng quý hóa thay!”⁽¹⁾

“Ngày nay Hán Học qua rồi, mà học quốc văn mới xuất hiện, nam quốc dân còn chưa có sách dạy hoàn thiện, hướng chi nữ quốc dân; cũng có nhiều sách xuất bản thanh hành, mà được một bản sơ học cho chánh đáng vẫn chưa có.

Cụ Sào Nam là một người đại ái quốc chí sĩ vì nước chịu khổ hơn 20 năm nay về ở Huế dùng thì giờ rảnh mà soạn ra bản sách này.

Nhơn dịp nữ công học hội mới ra đời, cụ vẫn sẵn lòng tán thành đem bản sách ấy mà giúp cho hội. Nhơn mấy ngày ở Huế tôi được thấy bản sách sắp xuất bản, tôi xem cả đầu đuôi mừng rằng nữ quốc dân ta học quốc văn mà có sách này không khác gì Hán học trước mà có sách Tam tự kinh, thật là một cái nêu chỉ đường cho cả bọn quần thoa trong nước mà không những ích riêng cho một hội Nữ công này.”⁽²⁾

Mấy nhận xét chung

Trở lên là sự trình bày những hiện tượng ngôn luận về nữ quyền xuất hiện những năm 1927-1929 tại Huế (và miền Trung). Hai trung tâm phát ra các ngôn luận cụ thể là báo *Tiếng dân* và nhóm biên tập-xuất bản mang tên Quan hải tùng thư. Can dự các phát ngôn này có khá nhiều cá nhân, bà Bảo Hòa, bà Đạm Phương, cô Như Mân và nhiều nữ độc giả của *Tiếng dân*, Huỳnh Thúc Kháng, Đào Duy Anh và những người cộng sự, đặc biệt là nhà cách mạng bị giam lỏng tại Huế từ 1926: Phan Bội Châu.

Có thể thấy Phan Bội Châu như nguồn cảm hứng của một loạt hiện tượng văn hóa tư tưởng, trong đó có những phát ngôn về chủ đề nữ quyền, ở Huế, thời gian này. Khi ông là nhà cách mạng ở ngoại quốc, ông đã gây niềm cảm phục, tôn kính của đông đảo người dân trong nước. Khi ông bị bắt đem về xử án, rồi đưa về giam lỏng tại Huế, niềm tôn kính và cảm phục vẫn không vơi cạn, thậm chí tăng thêm. Đào Duy Anh đã tìm gặp Sào Nam trên đường từ Bắc vô Huế, cuộc gặp ấy thúc đẩy ý định đã có của chàng trai Đào Duy Anh: rời bỏ vị trí nhà giáo tỉnh lẻ, đi vào phía nam tìm cách học hỏi thêm, mở mang tri thức và tìm lý tưởng chính trị; gặp Huỳnh Thúc Kháng ở Đà Nẵng và cộng tác xúc tiến sáng lập báo *Tiếng dân*, lập Quan hải tùng thư và hoạt động chính trị.

Bà Đạm Phương viết báo từ 1918, chủ đề chính của bà là nữ học, nữ công; việc bà sáng lập “Nữ công học hội” có sự cổ vũ và tham dự của Phan Bội Châu. Có thể xem hoạt động của Nữ công học hội như hoạt động “duy tân” trên thực tế.

(1) Hoàng Thúc Kháng: Bài đáp của cụ Nghị trưởng Viện nhơn dân đại biểu Trung Kỳ; trong sách: *Nữ quốc dân tu tri*, Nữ công học hội ở Huế xuất bản và giữ bản quyền. In lần thứ nhất, tại nhà in Đắc Lập ở Huế, 1926, tr. 31-33.

(2) Lời của cụ Hoàng Thúc Kháng đề quyền “Nữ quốc dân tu tri”; trong sách: *Nữ quốc dân tu tri*, Nữ công học hội ở Huế xuất bản và giữ bản quyền. In lần thứ nhất, tại nhà in Đắc Lập ở Huế, 1926, tr. 17.

Báo *Tiếng dân* chủ trương bởi tiến sĩ nho học Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), một chí sĩ duy tân, từ nhà tù thực dân (1908-1919) trở về, vừa tham gia hoạt động chính trị công khai (ứng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ, trúng cử, được bầu làm Viện trưởng) vừa làm báo, dẫn dắt tờ báo theo xu hướng ôn hòa. Việc nêu "vấn đề phụ nữ" ngay từ thời gian báo mới ra mắt, chắc chắn là nằm trong chủ trương của chủ nhiệm Huỳnh, tuy do Đào Duy Anh (thư ký tòa soạn) tổ chức bài vở cụ thể.

Bản thân Phan Bội Châu, trong hoàn cảnh bị giam lỏng tại Huế, vẫn viết sách viết báo rất nhiều. Cuốn "Vấn đề phụ nữ" chỉ là một trong số khá nhiều bài báo, cuốn sách của ông kể từ năm 1926. Nội dung cuốn sách cho thấy, chí sĩ duy tân này vẫn tiếp tục sự nghiệp "khai dân trí", mà ở đây là trên vấn đề nữ quyền.

Nhóm biên tập-xuất bản Quan hải tùng thư (chủ trương Đào Duy Anh, có sự tham gia của Phan Đăng Lưu, Trần Đình Nam, Võ Liêm Sơn, v.v.) có lúc có thể được xem như cơ quan của Tân Việt cách mạng đảng, một đảng chính trị theo xu hướng marxisme. 13 cuốn sách do Quan hải tùng thư xuất bản những năm ấy (1928-29) thể hiện chủ trương phổ biến vào công chúng những tư tưởng của học thuyết duy vật-cách mạng. Cuốn "Phụ nữ vận động" do Đào Duy Anh dịch, và những bài báo trong "Phụ nữ diễn đàn" của *Tiếng dân* mà ông ký Dã Lan Nữ Sĩ thể hiện xu hướng cấp tiến, gần marxisme, trên vấn đề nữ quyền.

Nếu Phan Bội Châu (trong "Vấn đề phụ nữ") chỉ nêu các hướng vận động mang tính cải cách (xem trên), thì loạt bài "Vấn đề phụ nữ" trên *Tiếng dân* của Dã Lan Nữ Sĩ (tức Đào Duy Anh) nêu mục tiêu "giải phóng phụ nữ" trên cả 4 mặt: về đạo đức, về giáo dục, về kinh tế, về chính trị. Mức độ cấp tiến trong đề xuất này là rõ rệt hơn cả.

Nhìn chung lại, trong những năm 1920s này, chỉ qua những phát ngôn từ thành phố-kinh đô Huế, ta đã thấy được khá đủ những sắc thái khác nhau của tư tưởng nữ quyền ở Việt Nam đương thời.

Sắc thái thứ nhất (đại biểu là Đạm Phương) nhấn mạnh vai trò nữ học, nữ công, nữ hạnh theo hướng điều hòa các chuẩn mực của xã hội Nho giáo cũ với thực tế đời sống ở xã hội mới đang trên đà Âu hóa, tuy hầu như chỉ giới hạn trong tầng lớp trung lưu.

Sắc thái thứ hai (đại biểu là các bài viết và dịch của Đào Duy Anh, ký Dã Lan Nữ Sĩ, nhất là loạt bài "Vấn đề phụ nữ") cung cấp cái nhìn vấn đề phụ nữ ít nhiều ở quy mô lịch sử toàn cầu, gần vận động nữ quyền với tư tưởng khai sáng, với cách mạng công nghiệp thứ nhất, với sự lan tỏa của phong trào nữ quyền từ Âu Mỹ sang các phần còn lại của thế giới, trong đó có Đông Á. Trong viễn kiến của sự vận động, mục tiêu giải phóng phụ nữ được đề xuất ở 4 mặt: đạo đức (thiết lập đạo đức mới, nam nữ bình đẳng), giáo dục (quyền ngang nhau trong học hành tiếp nhận tri thức và kỹ năng), kinh tế (ngang nhau về quyền có việc làm, quyền kế thừa tài sản, v.v.), chính trị (quyền công dân, bầu

cử, ứng cử, hoạt động xã hội chính trị). Ta có thể cảm thấy tinh thần marxisme trong đề xuất này.

Sắc thái thứ ba (đại biểu là cuốn "Vấn đề phụ nữ" của Phan Bội Châu) nhiệt liệt vận động nữ quyền, phản đối cả đạo đức, triết lý lẫn các thiết chế của xã hội nho giáo truyền thống vốn đề cao nam quyền, phủ nhận nữ quyền, chà đạp phụ nữ. Tiếp cận của Phan Bội Châu có thể xem như là một gạch nối giữa Đạm Phương Nữ Sĩ và Đào Duy Anh. Nhà cách mạng Phan Bội Châu, trong bối cảnh bị giam lỏng tại Huế, tiếp tục có các diễn ngôn cổ vũ cho lý tưởng gắn liền giải phóng phụ nữ với giải phóng dân tộc, đồng thời cố gắng huy động những tiềm năng trong di sản đạo lý-văn hoá truyền thống kết hợp với những tinh túy của tinh thần Âu-Tây nhằm hướng đến xây dựng một xã hội công dân-dân sự, điều mà ông gọi là kết hiệp xã hội, hay "hợp quần", nền tảng cho một thể chế chính trị mới -- chế độ dân chủ cộng hoà. Tuy vậy, viễn kiến giải phóng phụ nữ ở đây dù sao cũng mới chỉ giới hạn ở những đề xuất cải cách lối sống, phong tục, hầu như chưa có những đề xuất động đến thiết chế xã hội chính trị liên quan đến giới phụ nữ.

Xem xét lại về mặt lịch sử tư tưởng, đây là hiện tượng lý thú, đáng được suy nghĩ phân tích.

Nếu như đạo đầu của "vấn đề phụ nữ" ở Việt Nam là những bàn thảo về nữ học, nữ hạnh trên một số báo miền Bắc những năm 1920-25 và cao trào của cuộc vận động là những xuất bản của *Phụ nữ tân văn* những năm 1929-35 ở miền Nam, thì một số ngôn luận-xuất bản tuy tương đối ít ỏi ở miền Trung giai đoạn 1926-1929 dường như đã mang lại **một nền móng tư tưởng mới** cho phong trào nữ quyền tại Việt Nam, đặc biệt với các tiếng nói như Phan Bội Châu, Đào Duy Anh, khi nữ quyền được gắn chặt với nhân quyền -- quyền con người phổ quát và quyền tham gia chính trị, liên kết đoàn thể, có nghề nghiệp độc lập, và trong đó vấn đề quyền về giáo dục, mở mang tri thức của người phụ nữ được đặt lên vị trí hàng đầu. Đặc biệt với Phan Bội Châu, vấn đề ý thức tự thức tỉnh, tự trách nhiệm của người phụ nữ có vai trò trọng tâm. Giai đoạn miền Trung 1926-1929 mang nhiều dáng dấp của một sự tiếp nối các nỗ lực hiện đại hoá của phong trào Duy Tân, của Đông Kinh Nghĩa Thục năm xưa, trong một bối cảnh chính trị-xã hội vô cùng khác biệt, đặc biệt với sự ra đời của Liên Xô, nhà nước cộng sản đầu tiên, sự nở rộ của phong trào cộng sản tại Trung Quốc và nhiều nơi khác, trong đó có Việt Nam, và thế giới một lần nữa đứng trước nguy cơ một cuộc đại chiến mới.

Những năm 1926-29 ở miền Trung, với những hiện tượng ngôn luận nêu trên, có thể thấy ở đây những động thái tư tưởng nhiều hơn là hành động (tuy Nữ công học hội đã là những hoạt động!). Huế khi đó không phải trung tâm của báo chí dư luận, nhưng vẫn có vị trí của nó trong đời sống tinh thần. Tại không gian ấy trong thời đoạn ấy những kẻ sĩ khác nhau cùng suy nghĩ và bàn thảo trên những kênh khác nhau, một vấn đề hệ trọng của đời sống xã hội đất nước, -- vấn đề giới phụ nữ, với những kiến giải tuy không trái nhau nhưng không đồng nhất.

Hà Nội, tháng Bảy 2019

Người chấp bút: L.N.A.